

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671003 - Thí nghiệm Vật lý đại cương
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Nhật	Cường	3772050830	29/08/1995		,00	,00	Bỏ học
2	Nguyễn Nam	Nghi	3772050837	06/09/1995		5,00	5,00	
3	Lê Duy	Phuong	3772050842	04/11/1995		6,70	6,70	
4	Huỳnh Thanh	Tùng	3772050843	01/02/1995		6,70	6,70	
5	Trần Văn	Công	3772050846	02/04/1995		6,00	6,00	
6	Lê Duy	Tùng	3772050848	26/02/1995		6,70	6,70	
7	Đoàn Tấn	Cánh	3772050854	10/06/1994		1,00	1,00	
8	Nguyễn Hữu	Vinh	3772050862	14/07/1994		3,00	3,00	
9	Nguyễn Hữu	Long	3772050866	27/02/1993		3,70	3,70	
10	Đình Phú	Thuận	3772050868	03/03/1995		3,00	3,00	
11	Phan Hồng	Sơn	3772050878	11/11/1995		5,70	5,70	
12	Phan Thanh	Phú	3772050880	12/03/1995		6,30	6,30	
13	Nguyễn Thanh	Bình	3772050882	25/07/1993		5,00	5,00	
14	Nguyễn Trung	Can	3772050883	02/01/1995		5,00	5,00	
15	Lê Hoàng	Kiệt	3772050885	09/07/1995		3,70	3,70	
16	Nguyễn Quốc	Khánh	3772050898	28/03/1995		3,00	3,00	
17	Nguyễn Minh	Tiến	3772050903	11/07/1994		6,00	6,00	
18	Phạm Minh	Độ	3772050911	13/09/1994		5,00	5,00	
19	Phạm Tùng	Vũ	3772050916	25/02/1992		5,00	5,00	
20	Phan Văn	Chức	3772050922	20/03/1995		5,30	5,30	
21	Nguyễn Văn	Hậu	3772050928	08/11/1995		,00	,00	Bỏ học
22	Lưu Chí	Đạt	3772050933	06/12/1994		5,00	5,00	
23	Đoàn Tấn	Lực	3772050941	04/11/1995		6,30	6,30	
24	Hồ Thành	La	3772050943	14/05/1994		3,00	3,00	
25	Hồ Thế	Phong	3772050944	06/01/1993		5,00	5,00	
26	K'	Ning	3772050945	30/04/1995		,00	,00	Bỏ học
27	Nguyễn Tuấn	Duy	3772050947	14/02/1994		5,00	5,00	
28	Trần Ngô Hoài	Phong	3772050949	16/05/1995		6,30	6,30	
29	Nguyễn Văn	Thắng	3772050951	16/01/1995		,00	,00	Bỏ học
30	Nguyễn Văn	Thắng	3772050952	22/12/1995		5,00	5,00	
31	Dương Văn	Tân	3772050957	16/03/1993		,00	,00	Bỏ học
32	Phan Anh	Công	3772050958	02/09/1995		5,00	5,00	
33	Võ Quốc	Huy	3772050959	18/03/1995		1,00	1,00	
34	Gập Thanh	Tuấn	3772051133	05/03/1993		6,00	6,00	
35	Dịp Ôn	Nhinh	3772051134	16/10/1994		6,00	6,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Văn	Hiếu	3772051154	13/09/1995		5,00	5,00	
37	Phan Tuấn	Vũ	3772051158	14/10/1994		6,70	6,70	
38	Lài Sau	Nghệ	3772051162	24/07/1994		5,00	5,00	
39	Trần Nguyễn Đình	Khánh	3772051167	19/02/1995		4,00	4,00	
40	Nguyễn Thành	Luân	3772051169	16/07/1995		,00	,00	Bỏ học
41	Nguyễn Hà	Bảo	3772051181	10/08/1995		6,30	6,30	
42	Nguyễn Đức	Thông	3772051185	10/08/1994		,00	,00	Bỏ học
43	Trần Đình Hoàn	Hào	3772051193	20/01/1995		,00	,00	Bỏ học
44	Nguyễn Phú	Quý	3772051212	02/10/1995		5,00	5,00	
45	Lê Trung	Hiếu	3772051213	27/10/1995		4,00	4,00	
46	Lê Kim	Thư	3772051221	05/04/1995		,00	,00	Bỏ học
47	Đoàn Quang	Vinh	3772051255	04/01/1995		3,70	3,70	
48	Đặng Thanh	Phú	3772051257	02/10/1995		5,00	5,00	
49	Đặng Ngọc	Hùng	3772051265	20/05/1995		5,00	5,00	
50	Lê Xuân	Vương	3772051282	21/10/1993		5,70	5,70	
51	Nguyễn Văn	Liên	3772051307	28/02/1995		5,00	5,00	
52	Phạm Văn	Toàn	3772051313	17/12/1994		,00	,00	Bỏ học
53	Đặng Công	Tân	3772051314	24/02/1995		3,00	3,00	
54	Nguyễn Văn	Tân	3772051344	17/02/1995		4,00	4,00	
55	Phan Hữu	Của	3772051360	31/10/1995		6,30	6,30	
56	Dương Tiến	Đạt	3772051365	10/01/1995		6,30	6,30	
57	Trần Hữu	Nghị	3772051402	12/08/1994		1,00	1,00	
58	Đặng Văn	Nho	3772051419	09/10/1995		5,00	5,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)